TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **=== *&*===**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ---------- *&*----------

Bản án số: 129/2021/NHGĐ-ST
Ngày 31 /5 /2021
V/v ly hôn giữa chị T và anh Th

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan

Ông Nguyễn Văn Cử

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh- Thẩm tra viên TAND huyện M L- thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Mai- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX- ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** – SN 1991

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung Th** – SN 1987

Đều trú tại: thôn Y, xã Th, huyện M L, Hà Nội

(Tại phiên tòa chị T có mặt, anh Th có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại Đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Th năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, hai người có được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong chị về làm dâu nhà anh Th ngay sống chung cùng gia đình. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, anh Th cờ bạc, trai gái không quan tâm đến vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng. Năm 2017 chị đã bỏ đi khỏi nhà anh Th, vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Có 02 con Nguyễn Trung L, sinh ngày 21/12/2011 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/10/2013.

Khi ly hôn chị xin nuôi hai con vì anh Th đang bị tạm giam về tội "Tổ chức đánh bạc" không có điều kiện nuôi con, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân công ty bao bì DHT Tam Dương- Hợp Thịnh- Vĩnh Phúc, thu nhập từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/ tháng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Trung Th trình bày:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh hay vắng mặt ở nhà nên vợ chồng hay cãi nhau. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh không gọi về, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã hết. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại giam số 1- CA thành phố Hà Nội về tội "Tổ chức đánh bạc" nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải việc ly hôn và anh xin xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Có 02 con Nguyễn Trung L, sinh ngày 21/12/2011 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/10/2013. Từ khi chị T bỏ đi hai con vẫn ở với anh và ông bà nội. Ly hôn anh đề nghị Tòa giao hai con cho ông bà nội tiếp tục nuôi, anh cũng đã để một khoản tiền cho ông bà nuôi cháu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Anh Th không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên toà chị T vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết cho chị ly hôn, chị xin nuôi con và không đề nghị giải quyết về tài sản, công sức, công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên toà. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T đối với anh Th

Áp dụng Điều 51,56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147,271,273, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí,lệ phí Tòa án.

Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trung Th. Về con chung giao cháu Trung L và Trung H cho chị T nuôi dưỡng. Tài sản chung, công sức, công nợ không xem xét, giải quyết.

Về án phí chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Trung Th, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th là bị đơn có HKTT tại thôn Y- xã Th- huyện M L- Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M L theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th có đơn xin xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện được chính quyền UBND xã Th- M L- Hà Nội công nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của chị T, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau và anh Th hay cờ bạc, trai gái. Chị không còn tình cảm yêu thương anh Th.

Phía anh Th cũng xác định không còn tình cảm yêu thương chị T nên anh đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị T, anh Th trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng năm 2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết hai anh chị đều xác định không còn tình cảm yêu thương nhau và đều đề nghị được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[4] Về con chung: Có 02 con Nguyễn Trung L, sinh ngày 21/12/2011 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/10/2013. Kể từ khi ly thân hai con vẫn ở với bố, nguyện vọng của hai con muốn tiếp tục được ở với bố tuy nhiên HĐXX nhận thấy hiện anh Th đang bị tạm giam tại trại giam số 1-CA thành phố Hà Nội để phục vụ công tác điều tra trong vụ án hình sự nên anh không có điều kiện để nuôi con. Chị T có nguyện vọng được nuôi hai con, chị đang làm công nhân công ty bao bì DHT, có thu nhập ổn định nên cần giao con cho chị T nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị T, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trung Th

2. Con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Trung L, sinh ngày 21/12/2011 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/10/2013 cho đến khi các con 18 tuổi trưởng thành nếu không có sự thay đổi nào khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh Th vì chị T không yêu cầu. Anh Th có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết

4. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0020037 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 này kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND M L
- Chi cục THA M L
- Các đ- ơng sự
- UBND xã Th
- L- u HS, VP..

Lương Thị Diệu Kim

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cử **Dương Thị Kim Lan** **Lương Thị Diệu Kim**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9h00 ngày 31/5 /2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan

Ông Nguyễn Văn Cử

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Toàn** – SN 1991

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung Thành** – SN 1987

Đều trú tại: thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Toàn và anh Nguyễn Trung Thành

2. Con chung: Giao cho chị Trần Thị Toàn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Trung Lương, sinh ngày 21/12/2011 và Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 24/10/2013 cho đến khi các con 18 tuổi trưởng thành nếu không có sự thay đổi nào khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh Thành vì chị Toàn không yêu cầu. Anh Thành có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết

4. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Toàn phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0020037 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị Toàn đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Toàn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 này kể từ ngày tuyên án. Anh Thành có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 9h15 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cử **Dương Thị Kim Lan** **Lương Thị Diệu Kim**